SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN SẢN - NHI SÓC TRĂNG

Số: 186.1/TB-BVSN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 04 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công khai Giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND thành phố Cần Thơ về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1003/QĐ-BVSN ngày 06/12/2024 của Giám đốc Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-BVSN ngày 08/4/2025 của Giám đốc Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi Phụ lục II kèm theo Đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu kèm theo Quyết định số 1003/QĐ-BVSN ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện chuyên khoa Sản – Nhi tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-BVSN ngày 19/5/2025 của Giám đốc Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi Phụ lục II kèm theo Đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu kèm theo Quyết định số 1003/QĐ-BVSN ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện chuyên

khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 346/QĐ-BVSN ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi Phụ lục II kèm theo Đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu kèm theo Quyết định số 1003/QĐ-BVSN ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-BVSNST ngày 25/3/2026 của Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục II kèm theo Đề án Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu kèm theo Quyết định số 1003/QĐ-BVSN ngày 06 tháng 12 năm 2024; Quyết định số 346/QĐ-BVSN ngày 08 tháng 4 năm 2025; Quyết định số 493/QĐ-BVSN ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục II kèm theo Đề án Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng.

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-BVSN ngày 05/8/2026 của Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục II kèm theo Đề án Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu kèm theo Quyết định số 1003/QĐ-BVSN ngày 06 tháng 12 năm 2024; Quyết định số 346/QĐ-BVSN ngày 08 tháng 4 năm 2025; Quyết định số 493/QĐ-BVSN ngày 19 tháng 5 năm 2025; Quyết định số 301/QĐ-BVSNST ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục II kèm theo Đề án Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng.

Căn cứ Công văn số 422/BVSN-TCKT ngày 10/8/2026 của Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu.

Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng công khai giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại đơn vị, như sau:

- Giá các dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu (Đính kèm).

- Thời gian áp dịch giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu: **Từ ngày 04 tháng 11 năm 2026.**

- Hình thức công khai:

+ Niêm yết công khai tại trụ sở đơn vị.

+ Trên website, địa chỉ: https://bvchuyenkhoasannhist.com.vn

Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng thông báo đến viên chức, người lao động của đơn vị và các đối tượng có liên quan căn cứ thông báo thực hiện. Có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện xin liên hệ Phòng Tài chính - Kế toán, số điện thoại 02993.621623./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Đăng website;
- Niêm yết tại trụ sở;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN SẢN - NHI SÓC TRĂNG

BSCKII. Chung Tấn Định

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN SẢN - NHI SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT THEO YÊU CẦU

(Kèm theo Thông báo số 186.1/TB-BVSN ngày 04/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND	Giá dịch vụ KCB theo yêu cầu		Ghi chú
				Không yêu cầu bác sĩ	Có yêu cầu bác sĩ	
1	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
2	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
3	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
4	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
5	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
6	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
7	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
8	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
9	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
10	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
11	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
12	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
13	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
14	Chụp X-quang hàm chếch một bên [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
15	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
16	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND	Giá dịch vụ KCB theo yêu cầu		Ghi chú
				Không yêu cầu bác sĩ	Có yêu cầu bác sĩ	
17	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
18	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
19	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
20	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
21	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
22	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
23	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
24	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
25	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
26	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
27	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
28	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
29	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
30	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
31	Chụp X-quang răng toàn cảnh [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
32	Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
33	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
34	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
35	Chụp X-quang Stenvers [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
36	Chụp X-quang tại giường (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
37	Chụp X-quang tại phòng mổ (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND	Giá dịch vụ KCB theo yêu cầu		Ghi chú
				Không yêu cầu bác sĩ	Có yêu cầu bác sĩ	
38	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
39	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
40	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
41	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
42	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
43	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
44	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
45	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
46	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
47	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
48	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
49	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
50	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
51	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim] (Không in phim)	Lượt	45.700	100.300		Áp dụng cho 01 vị trí
52	Chụp khu trú dị vật nội nhãn [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
53	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
54	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
55	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
56	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
57	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
58	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND	Giá dịch vụ KCB theo yêu cầu		Ghi chú
				Không yêu cầu bác sĩ	Có yêu cầu bác sĩ	
59	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
60	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
61	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
62	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
63	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
64	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
65	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
66	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
67	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
68	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
69	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
70	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
71	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
72	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
73	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
74	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
75	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
76	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
77	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
78	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
79	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
80	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND	Giá dịch vụ KCB theo yêu cầu		Ghi chú
				Không yêu cầu bác sĩ	Có yêu cầu bác sĩ	
81	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
82	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
83	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim] (Không in phim)	Lượt	53.500	105.900		Áp dụng cho 01 vị trí
84	Chụp X-quang tử cung vòi trứng [số hóa] (Không in phim)	Lượt	393.800	603.400		Áp dụng cho 01 vị trí
85	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
86	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
87	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
88	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
89	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
90	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
91	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
92	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
93	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
94	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
95	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
96	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
97	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (Không in phim)	Lượt	452.400	734.700		
98	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
99	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1-32 dãy) (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND	Giá dịch vụ KCB theo yêu cầu		Ghi chú
				Không yêu cầu bác sĩ	Có yêu cầu bác sĩ	
100	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
101	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 1-32 dãy [có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
102	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
103	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
104	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
105	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
106	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
107	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
108	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
109	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) [có thuốc cản quang, từ 1-32 dãy] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
110	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
111	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
112	Chụp CLVT mạch máu não (từ 1-32 dãy) (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
113	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang] (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.
114	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (Không in phim)	Lượt	565.700	859.600		Chưa bao gồm thuốc cản quang.